

TS. TRẦN CÔNG TRỰC
(Chủ biên)

TRANH CHẤP BIỂN ĐÔNG PHÁP LÝ VÀ THỰC TIỄN



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

TRANH CHẤP BIỂN ĐÔNG

PHÁP LÝ VÀ THỰC TIỄN

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội, ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222

Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.org.vn

Sách điện tử: www.sbook.vn, www.thuviencoso.vn, sachquocgia.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản

GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP

PGS.TS. VŨ TRỌNG LÂM

Chịu trách nhiệm nội dung

PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

TS. VÔ VĂN BẾ

Chịu trách nhiệm tổ chức xuất bản điện tử

PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. NGUYỄN THÁI BÌNH

Biên tập nội dung: ThS. VÂN THỊ THANH HƯƠNG

TRẦN HÀ TRANG

NGUYỄN THỊ THU HÒA

Trình bày bìa: PHẠM THÚY LIỄU

Chế bản và tính: NGUYỄN THỊ HẰNG

Sửa bản in: NGUYỄN THỊ YẾN

Đọc sách mẫu: ĐẬU THỊ MAI

Đăng ký xuất bản số: 1177-2023/CXBIPH/42-166/CTQG

Quyết định xuất bản số: 2379-QĐ/NXBCTQG, ngày 26/04/2023

Mã số ISBN: 978-604-57-8628-4



TS. TRẦN CÔNG TRỰC
(Chủ biên)

TRANH CHẤP BIỂN ĐÔNG

PHÁP LÝ VÀ THỰC TIỄN

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT



phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn như thủy sản, dầu khí, giao thông hàng hải, đóng tàu, du lịch..., là cửa ngõ để Việt Nam giao thương với thị trường khu vực và thế giới, nhất là trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay. Chủ quyền biển, đảo của Việt Nam là sự thật hiển nhiên qua quá trình cư trú, quản lý lâu dài, liên tục của cha ông, được khẳng định trên các chứng cứ lịch sử vững chắc, soi chiếu trên cơ sở pháp lý theo Luật Biển quốc tế. Do vậy, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta.

Biển Đông là tuyến phòng thủ hướng Đông của đất nước. Các đảo và quần đảo trên Biển Đông, đặc biệt là quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là tuyến phòng thủ chiến lược, quan trọng đối với Việt Nam. Đối với vấn đề tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông, Việt Nam kiên trì và kiên định lập trường nhất quán giải quyết các tranh chấp Biển Đông bằng các biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước Luật Biển năm 1982. Trong quá trình tìm kiếm một giải pháp cơ bản, lâu dài cho các vấn đề tranh chấp trên Biển Đông, các bên liên quan có nghĩa vụ kiềm chế, không có thêm hành động đơn phương gây căng thẳng, làm phức tạp tình hình, cùng nỗ lực duy trì hòa bình ổn định, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực, không quân sự hóa; tuân thủ nghiêm túc Hiến chương Liên hợp quốc, Công ước Luật Biển năm 1982 và các chuẩn mực của luật pháp quốc tế.

Đồng thời, Việt Nam kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, cũng như chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và các lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình ở Biển Đông; Công khai hóa, minh bạch hóa vấn đề tranh chấp Biển Đông; chủ động và kiên trì sử dụng các biện pháp ngoại giao, đặc biệt là

biện pháp đàm phán để giải quyết các tranh chấp, bất đồng về vấn đề Biển Đông để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ cũng như lợi ích đất nước.

Bên cạnh đó, Việt Nam sẵn sàng cùng các bên tiến hành hợp tác cùng phát triển ở những khu vực thực sự có tranh chấp phù hợp với các quy định của luật pháp quốc tế.

Để có thể thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán trên Biển Đông, chúng ta cần trang bị cho mình kiến thức pháp luật về tranh chấp quốc tế; tìm hiểu về các loại tranh chấp trong Biển Đông dưới góc độ pháp lý; lịch sử, diễn biến các tranh chấp trong Biển Đông; cũng như nhận diện các thông tin và luận điểm sai trái đang tồn tại.

Tiến sĩ Trần Công Trục, nguyên Trưởng ban Biên giới Chính phủ, là người đã tham gia các cuộc đàm phán giữa Việt Nam với Trung Quốc ngay từ đầu khi hai nước bình thường hóa quan hệ, với tư cách là Phó đoàn đàm phán Chính phủ, từng là Trưởng nhóm chuyên gia đàm phán biên giới đất liền, phân định Vịnh Bắc Bộ và các vấn đề trên biển. Ông là tác giả, chủ biên nhiều cuốn sách, công trình khoa học, bài báo về vấn đề biên giới lãnh thổ nói chung và vấn đề Biển Đông nói riêng, thu hút sự quan tâm của dư luận trong và ngoài nước.

Hơn 30 năm gắn bó với công tác biên giới lãnh thổ quốc gia, Tiến sĩ Trần Công Trục đã để lại những dấu ấn quan trọng của mình trên lĩnh vực bảo vệ chủ quyền biên giới. "Sự thật là tối thượng và ta luôn phải tôn trọng nó. Nhưng sự thật đó không phải do anh tự tưởng tượng ra hoặc là lượm lặt không có chọn lọc, mà phải là một sự thật phù hợp với quy luật của cuộc sống, phù hợp với luật pháp trong nước và quốc tế và với ý chí, nguyện vọng của cả cộng đồng. Thế nên tìm ra được sự thật trong nghề này không hề dễ dàng, đòi hỏi phải có cả sự dũng cảm, kiên định

của người làm nghề!" là lời tâm sự của Tiến sĩ Trần Công Trục về sự nghiệp công tác và nghiên cứu về biên giới lãnh thổ mà ông đã và đang theo đuổi.

Cuốn sách ***Tranh chấp Biển Đông: Pháp lý và thực tiễn*** do Tiến sĩ Trần Công Trục chủ biên là một nghiên cứu chuyên khảo. Với cách trình bày khoa học mang tính logic cao, góc tiếp cận trực tiếp với vấn đề đặt ra, cuốn sách là tài liệu hữu ích đưa các thông tin pháp lý về tranh chấp trên Biển Đông tới đông đảo bạn đọc, góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia, thực hiện thành công chính sách, pháp luật của Việt Nam đối với vấn đề Biển Đông.

Cuốn sách cũng là một đóng góp khoa học vào hệ thống nghiên cứu pháp luật quốc tế, sử dụng khoa học pháp lý vào lý giải các vấn đề trên thực tiễn và đưa ra các giải pháp pháp lý cho các vấn đề đang đặt ra.

Cuốn sách gồm 4 chương:

Chương I. Tranh chấp quốc tế

Chương II. Các loại tranh chấp trong Biển Đông dưới góc độ pháp lý;

Chương III. Các bất đồng, tranh chấp trong Biển Đông;

Chương IV. Nhận diện những thông tin, nhận thức và luận điểm sai trái đang tồn tại.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 12 năm 2022

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT



Chương I TRANH CHẤP QUỐC TẾ

Trong thực tiễn quốc tế, các tranh chấp quốc tế (international disputes) thường xuyên diễn ra rất nhiều. Thậm chí, số lượng tranh chấp thường tỷ lệ thuận với tốc độ phát triển của quan hệ quốc tế.

Có nhiều khái niệm khác nhau về tranh chấp quốc tế. PCIJ - Tòa án thường trực công lý quốc tế của Hội quốc liên (tiền thân của Tòa án Công lý quốc tế) trong một vụ án, cho rằng: *tranh chấp là sự không thỏa thuận được với nhau trong một vấn đề nào đó của luật pháp hoặc các sự kiện, là sự đối lập nhau về quan điểm pháp lý và lợi ích giữa hai chủ thể với nhau*. ICJ - Tòa án Công lý quốc tế cho rằng, tranh chấp là *một tình huống mà trong đó cả hai bên đều duy trì một cách rõ ràng quan điểm đối lập nhau liên quan đến việc thể hiện hay không thể hiện nghĩa vụ cụ thể được quy định trong hiệp ước*. Tòa Trọng tài trong vụ *Texaco và Libi* thì cho rằng, tranh chấp là *tồn tại sự khác biệt về lợi ích và đối lập về quan điểm pháp lý*. Tuy các định nghĩa khác nhau nhưng đều có điểm chung về tranh chấp, đó là *sự không thống nhất, thậm chí là xung đột về quan điểm pháp lý cũng như lợi ích của các bên*.

Tranh chấp quốc tế xảy ra bởi những mối quan hệ cũng như các lợi ích phức tạp và đan xen trên nhiều lĩnh vực giữa



các quốc gia và các chủ thể khác của luật quốc tế. Trong các tranh chấp quốc tế, tranh chấp lãnh thổ là một trong những tranh chấp dai dẳng, khó giải quyết và tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến chiến tranh nhất. Theo luật pháp và thực tiễn quốc tế, tình trạng tranh chấp chủ quyền, lãnh thổ không tồn tại ở bất kỳ thời điểm nào mà phải xác định được “thời điểm tranh chấp”, “thời điểm kết tinh tranh chấp”. Nhiều học giả, chuyên gia pháp lý cho rằng, kể từ sau “thời điểm kết tinh tranh chấp”, các hành vi do các nước thực hiện không làm thay đổi các quyền tương ứng của các nước đó. Như vậy, việc sử dụng thuật ngữ “tranh chấp” một cách chung chung, không phân biệt thời điểm và phạm vi tranh chấp đồng nghĩa với việc đã chấp nhận tình trạng “vùng lãnh thổ vốn không tranh chấp trở thành vùng tranh chấp”. Hậu quả là sẽ làm yếu đi lập trường pháp lý trong việc bảo vệ vùng lãnh thổ vốn thuộc chủ quyền hợp pháp đang bị một số quốc gia “nhảy vào tranh chấp”, chỉ ít là vào thời điểm trước khi các bên có thỏa thuận ngồi vào đàm phán hay sử dụng cơ chế tài phán quốc tế để giải quyết vấn đề chủ quyền đối với vùng lãnh thổ này. Vì vậy, thuật ngữ “bất đồng” có lẽ sẽ là một thuật ngữ bổ sung thích hợp để phản ánh đầy đủ bản chất pháp lý trước khi các bên thống nhất được “thời điểm tranh chấp”.

I. LÃNH THỔ QUỐC GIA VÀ TRANH CHẤP VỀ BIÊN GIỚI, LÃNH THỔ GIỮA CÁC QUỐC GIA

Lãnh thổ quốc gia là một trong những bộ phận cấu thành không thể thiếu của bất kỳ quốc gia nào, đồng thời nó còn là



một tiêu chí xác định một quốc gia có phải là chủ thể của luật quốc tế hay không. Lãnh thổ quốc gia gắn liền với những điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh của mỗi quốc gia. Do đó lãnh thổ quốc gia là môi trường tự nhiên và cơ sở vật chất để quốc gia tồn tại và phát triển trong cộng đồng quốc tế; đồng thời lãnh thổ quốc gia còn liên quan với quốc gia khác, trước hết là với quốc gia láng giềng hay các quốc gia trong khu vực.

Lãnh thổ quốc gia là phạm vi không gian được giới hạn bởi biên giới quốc gia. Trong phạm vi lãnh thổ đó, nhà nước của quốc gia sở hữu, có quyền tối cao về lập pháp, hành pháp và tư pháp. Quyền tối cao đó chính là chủ quyền quốc gia mà nội hàm của nó là: *mọi vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của quốc gia phải do quốc gia đó quyết định, các quốc gia khác, cũng như các tổ chức quốc tế không có quyền can thiệp; mọi tổ chức, cá nhân cư trú trên lãnh thổ của quốc gia đó phải tuân thủ pháp luật của quốc gia, nếu điều ước quốc tế mà quốc gia đã ký kết không có quy định khác.*

Ngoài ra, đối với các bộ phận lãnh thổ đặc biệt, như: vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, vùng thềm lục địa, tàu quân sự, tàu nhà nước thực thi công vụ, cơ quan đại sứ, lãnh sự... các quốc gia sở hữu chỉ được thực hiện “chủ quyền hạn chế”. Nghĩa là, khi thực hiện “chủ quyền hạn chế” của mình, quốc gia sở hữu phải tuân thủ luật pháp của quốc gia sở tại và phải tuân thủ các quy định của các điều ước quốc tế có liên quan mà quốc gia đó đã ký kết hoặc tham gia. Chẳng hạn, quốc gia ven biển chỉ thực hiện quyền chủ quyền



(quyền mang tính chất chủ quyền) và quyền tài phán đối với vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa...

Lãnh thổ quốc gia là một trong ba yếu tố cơ bản hợp thành không thể thiếu của quốc gia, đó là: lãnh thổ, dân cư, nhà nước. Thiếu yếu tố lãnh thổ thì không thể có quốc gia theo đúng nghĩa của nó. Lãnh thổ quốc gia là nền tảng vật chất, là môi trường cho mỗi quốc gia tồn tại và phát triển trong mối quan hệ tất yếu trên nhiều phương diện với các quốc gia láng giềng, khu vực và quốc tế.

Có nhiều định nghĩa khác nhau về lãnh thổ quốc gia. Theo *Từ điển tiếng Việt*: “Lãnh thổ là đất đai thuộc chủ quyền của một nước”¹. Theo *Giáo trình Công pháp quốc tế*: Lãnh thổ quốc gia là một phần của trái đất bao gồm vùng đất, vùng nước, vùng trời trên chúng và vùng đất dưới chúng thuộc về một quốc gia nhất định². Như vậy khái niệm lãnh thổ quốc gia có thể được hiểu: *Lãnh thổ quốc gia là một phần của trái đất bao gồm vùng đất, vùng nước, vùng trời trên chúng và vùng đất dưới chúng thuộc về một lãnh thổ quốc gia nhất định. Trong phạm vi này quốc gia thực hiện chủ quyền hoàn toàn và tuyệt đối của mình.*

Một quốc gia không thể tồn tại nếu không có lãnh thổ. Lãnh thổ được xác lập theo không gian, trong đó chủ quyền

1. Trung tâm Từ điển học: *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, 2011, tr.699.

2. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, PGS.TS. Nguyễn Bá Diễn (Chủ biên): *Giáo trình Công pháp quốc tế*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014.

của quốc gia được thực hiện và được tôn trọng. Trong tập quán quốc tế có một nguyên tắc xác định rõ: Nếu mất hoàn toàn lãnh thổ, quốc gia sẽ không tồn tại trên thực tế. Như vậy, khái niệm lãnh thổ không chỉ có ý nghĩa quan trọng đối với bản thân nhà nước đó mà còn là yếu tố không thể thiếu trong quan hệ quốc tế. Lãnh thổ quốc gia phải được xác định cụ thể theo các quy định của luật quốc tế để mỗi quốc gia có quyền thực hiện và bảo vệ chủ quyền của mình trong lãnh thổ, đồng thời là điều cần thiết để các quốc gia khác tôn trọng chủ quyền trong phạm vi lãnh thổ đó.

Lãnh thổ, biên giới quốc gia là một trong những đối tượng tranh chấp quốc tế. Đó là các tranh chấp có nguyên nhân về chính trị, pháp lý liên quan đến lãnh thổ, biên giới quốc gia, an ninh, quốc phòng giữa các quốc gia từ trước đến nay luôn có nguy cơ rất lớn đe dọa hòa bình, an ninh quốc tế nếu tranh chấp, căng thẳng kéo dài và không được giải quyết dứt điểm bằng các biện pháp hòa bình. Thực tiễn lịch sử thế giới đã chứng minh chính tranh chấp lãnh thổ, biên giới quốc gia là nguyên nhân gián tiếp và trực tiếp của nhiều cuộc xung đột quân sự lớn, có thể kể đến như tranh chấp vùng Alsace-Lorraine giữa Pháp và Đức là nguyên nhân khiến cho quan hệ hai nước này luôn căng thẳng và là một phần nguyên nhân của hai cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) và thứ hai (1939-1945), tranh chấp vùng Danzig (nay là Gdansk, thuộc Ba Lan) giữa Ba Lan và Đức Quốc xã là một trong những nguyên nhân làm bùng nổ Chiến tranh thế giới thứ hai vào năm 1939. Chiến tranh giữa Anh và Áchentina

năm 1982 liên quan đến tranh chấp chủ quyền quần đảo Falkland, chiến tranh giữa Ixraen và các quốc gia Ảrập trong các năm 1948, 1956, 1967, 1973, chiến tranh Iran - Irắc giai đoạn 1980-1988 liên quan đến vùng đất tranh chấp ở Khuzestan và đường biên giới ở cửa sông Sat al - Arap, chiến tranh vùng Vịnh năm 1990-1991 có nguyên nhân chủ yếu là tranh chấp về lãnh thổ giữa Irắc và Côoét dẫn đến hành động tấn công Côoét của Irắc,... Các cuộc chiến tranh này đã gây ra nhiều thiệt hại to lớn về người và của không chỉ trong khoảng thời gian đó mà còn để lại những di chứng khủng khiếp cho các thế hệ sau.

II. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP QUỐC TẾ

Tranh chấp quốc tế dẫn đến nguy cơ xung đột quân sự và chiến tranh; do đó khi tranh chấp quốc tế xảy ra, việc giải quyết tranh chấp có ý nghĩa quan trọng vì nó liên quan đến duy trì hòa bình, an ninh thế giới, chấm dứt xung đột, bất đồng giữa các bên liên quan. Ngoài ra, giải quyết tranh chấp còn góp phần thúc đẩy các quốc gia tuân thủ và thực hiện luật quốc tế triệt để hơn. Việc giải quyết này phải được thông qua bằng các biện pháp hòa bình phù hợp với luật quốc tế, trên cơ sở điều ước quốc tế hoặc tập quán quốc tế đã được các bên tranh chấp thừa nhận áp dụng để giải quyết tranh chấp theo khoản 1 Điều 38 Quy chế Tòa án Công lý quốc tế như sau:

"a) Các điều ước quốc tế, chung hoặc riêng, đã quy định về những nguyên tắc được các bên đang tranh chấp thừa nhận;



b) Các tập quán quốc tế như những chứng cứ thực tiễn chung, được thừa nhận như những quy phạm pháp luật;

c) Nguyên tắc chung của luật được các quốc gia văn minh thừa nhận;

d) Với những điều kiện nêu ở Điều 59, các án lệ và các học thuyết của các chuyên gia có chuyên môn cao nhất về luật quốc tế của các quốc gia khác nhau được coi là phương tiện để xác định các quy phạm pháp luật".

Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng phương pháp hòa bình là một trong những nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế hiện đại. Đây là hệ quả của nghĩa vụ cấm sử dụng vũ lực trong các quan hệ quốc tế. Nguyên tắc này đã được ghi nhận từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX trong Công ước La Hay năm 1899 và năm 1907, sau đó tại Hiệp ước Briand-Kellog ngày 27/8/1928. Nguyên tắc này được chính thức thừa nhận là nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế lần đầu tiên khi được ghi nhận tại khoản 3 Điều 2 Hiến chương Liên hợp quốc *"Tất cả các thành viên giải quyết các tranh chấp quốc tế của họ bằng biện pháp hòa bình, theo cách không làm nguy hại đến hòa bình, an ninh quốc tế và công lý"* và được khẳng định một lần nữa tại Tuyên bố ngày 24/10/1970 của Đại hội đồng Liên hợp quốc (Nghị quyết số 2625): *"Mọi quốc gia có nghĩa vụ từ bỏ việc sử dụng hoặc đe dọa dùng vũ lực nhằm vi phạm sự tồn tại của các đường biên giới của các quốc gia khác, hoặc sử dụng như là các biện pháp giải quyết tranh chấp quốc tế bao gồm các tranh chấp về lãnh thổ và các vấn đề liên quan đến biên giới của các quốc gia... Tất cả các quốc gia sẽ giải quyết các*



tranh chấp quốc tế với những quốc gia khác bằng các biện pháp hòa bình mà không làm phương hại đến hòa bình, an ninh và công lý quốc tế".

Bên cạnh việc ghi nhận nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng phương pháp hòa bình, Hiến chương Liên hợp quốc cũng đã xây dựng hệ thống các biện pháp hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế được quy định tại Điều 33: "*Các bên đương sự trong các cuộc tranh chấp, mà việc kéo dài các cuộc tranh chấp ấy có thể đe dọa đến hòa bình và an ninh quốc tế, trước hết, phải cố gắng tìm cách giải quyết tranh chấp bằng con đường đàm phán, điều tra, trung gian, hòa giải, trọng tài, tòa án, sử dụng những tổ chức hoặc những hiệp định khu vực, hoặc bằng các biện pháp hòa bình khác tùy theo sự lựa chọn của mình*". Căn cứ vào nội dung của Điều 33 Hiến chương Liên hợp quốc, các biện pháp hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế có thể chia thành hai nhóm cơ bản:

Nhóm 1, các biện pháp giải quyết tranh chấp mang tính chất ngoại giao gồm các biện pháp đàm phán, điều tra, trung gian, hòa giải, sử dụng những tổ chức hoặc những hiệp định khu vực;

Nhóm 2, các biện pháp giải quyết tranh chấp bằng tài phán quốc tế, thông qua các Tòa án quốc tế và Trọng tài quốc tế.

1. Biện pháp ngoại giao giải quyết tranh chấp

Những biện pháp ngoại giao dùng để giải quyết tranh chấp quốc tế đã xuất hiện từ rất sớm và luôn đóng vai trò quan trọng. Kết quả của việc sử dụng các biện pháp ngoại



giao thường là các nghị quyết, khuyến cáo của các tổ chức quốc tế hoặc các cam kết và các điều ước quốc tế được các bên tranh chấp ký kết.

a) Biện pháp đàm phán (thương lượng)

Trong số các biện pháp giải quyết tranh chấp, đàm phán được đánh giá là biện pháp được áp dụng phổ biến và hiệu quả nhất, có lịch sử lâu đời dựa trên cơ sở trực tiếp nêu ra các quan điểm và tiếp nhận các ý kiến, lập trường của các bên đối thoại và không có sự can dự của bên thứ ba. Mục đích, thành phần, cấp tham gia cũng như hình thức của đàm phán do chính các quốc gia tham gia đàm phán thỏa thuận với nhau, tuy nhiên vẫn phải tuân theo các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế.

So với các biện pháp giải quyết tranh chấp khác, đàm phán có rất nhiều ưu điểm. *Thứ nhất*, đàm phán linh hoạt và chủ động, không bị khống chế về mặt thời gian, địa điểm. *Thứ hai*, đàm phán hạn chế được sự can thiệp trực tiếp từ bên thứ ba (thậm chí cả cộng đồng quốc tế), không làm phức tạp thêm nội dung tranh chấp. *Thứ ba*, tiết kiệm được về mặt kinh phí và thời gian của các bên tranh chấp. Tuy nhiên, đàm phán không phải lúc nào cũng thành công mà còn phụ thuộc vào mức độ thiện chí, sự mềm dẻo, linh hoạt và sự nhạy cảm của các bên đàm phán. Thái độ thù địch và sự bất đồng về chính trị là những nguyên nhân làm quá trình đàm phán phức tạp hay nghiêm trọng hơn và hậu quả là sẽ không đạt được bất kỳ một sự thỏa thuận nào.



Trong một số trường hợp, đàm phán là nghĩa vụ bắt buộc của các bên tranh chấp quy định trong các điều ước quốc tế song phương hay đa phương. Ngoài ra, các phán quyết của các cơ quan tài phán quốc tế cũng có thể trực tiếp yêu cầu các bên tham gia vào đàm phán với sự thiện chí cũng như đòi hỏi các bên phải đạt được một thỏa thuận nhất định. Trong vụ *tranh chấp thêm lục địa Biển Bắc*, Tòa án Công lý quốc tế đã đưa ra phán quyết: *Các bên phải tiến hành một cuộc đàm phán nhằm đạt được một thỏa thuận và họ phải có nghĩa vụ xử sự sao cho cuộc đàm phán có ý nghĩa, đó không phải là trường hợp mà một trong các bên khẳng định giữ lập trường của riêng mình không có bất kỳ một sự điều chỉnh nào.*

Về thực tiễn giải quyết tranh chấp lãnh thổ thành công thông qua con đường đàm phán, đã có những vụ việc điển hình như cuộc hòa đàm Gadsden năm 1853 giải quyết dứt điểm những tranh chấp lãnh thổ giữa Mỹ và Mêhicô; đàm phán giải quyết tranh chấp đảo Sakhalin giữa Nga và Nhật Bản với kết quả là Hiệp định Saint Petersburg năm 1875; các cuộc đàm phán hòa bình từ năm 1963 đến năm 1966 giữa Thủ tướng Malaixia Tunku Abdul Rahman, Tổng thống Indônêxia Sukarno và Tổng thống Philippin Macapagal cuối cùng đã giải quyết thành công tranh chấp lãnh thổ vùng Borneo; Hiệp định Phân giới và Hợp tác trên biển Barents năm 2010 giải quyết tranh chấp trên biển Barents giữa Liên bang Nga và Na Uy, kết thúc tình hình căng thẳng cản trở việc thăm dò khai thác dầu khí lẫn đánh bắt



thủy sản của cả hai quốc gia bắt đầu từ thập niên 70 của thế kỷ XX...

Nổi bật nhất, phải kể đến các cuộc đàm phán giải quyết vấn đề lãnh thổ, biên giới trên bộ giữa Việt Nam với các nước láng giềng: Trung Quốc, Lào, Campuchia. Đây là những cuộc đàm phán giải quyết tranh chấp biên giới, lãnh thổ được tiến hành theo đúng những quy trình, thủ tục và dựa vào những nguyên tắc pháp lý quốc tế hiện hành; vì vậy đã thu được những thành công mang tầm vóc lịch sử và được coi là những tiền lệ pháp có giá trị của luật pháp và thực tiễn quốc tế; cụ thể là:

- Với Trung Quốc:

Ngay sau khi bình thường hóa quan hệ vào tháng 11/1991, Việt Nam và Trung Quốc đã thỏa thuận nối lại cuộc đàm phán giải quyết các vấn đề biên giới giữa hai nước bắt đầu từ giữa thập niên 70 của thế kỷ XX:

Ngày 19/10/1993 Việt Nam và Trung Quốc ký Thỏa thuận về những nguyên tắc cơ bản giải quyết vấn đề biên giới lãnh thổ, trong đó nhất trí mở ra 4 diễn đàn đàm phán về biên giới lãnh thổ, gồm ba cấp chuyên viên và một cấp chính phủ. Hai nước thống nhất căn cứ pháp lý để đàm phán như sau: "Hai bên đồng ý, căn cứ vào Công ước hoạch định biên giới ký giữa Trung Quốc và Pháp ngày 26/6/1887 (Công ước Pháp - Thanh) và Công ước bổ sung Công ước hoạch định biên giới ngày 20/6/1895 cùng các văn kiện và bản đồ hoạch định và cắm mốc biên giới kèm theo đã được Công ước và Công ước bổ sung nói trên xác nhận hoặc quy định, cũng như các mốc quốc



giới cấm theo quy định, đối chiếu xác định lại toàn bộ đường biên giới trên bộ giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc¹.

Thực hiện thỏa thuận nói trên, từ tháng 02/1994 đến tháng 12/1999, hai bên đã họp 6 vòng cấp chính phủ, 16 vòng nhóm công tác liên hợp, 3 vòng nhóm soạn thảo Hiệp ước.

Tại vòng hai vào tháng 7/1994, Nhóm công tác đã trao bản đồ chủ trương, qua đối chiếu có 870km/1.360km đường biên giới trùng nhau (67%), 436km/1.360km, 289 khu vực không trùng nhau với tổng diện tích hơn 236km². Trong đó có 74 khu vực loại A (gần 2km²) kỹ thuật vẽ chồng lấn nhau, 51 khu vực loại B (hơn 3km²) không vẽ tới, 164 khu vực loại C do quan điểm hai bên khác nhau, trong đó có một số khu vực tranh chấp trên thực địa.

Đến ngày 30/12/1999 tại Hà Nội, Việt Nam và Trung Quốc chính thức ký Hiệp ước hoạch định biên giới trên đất liền giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, được Quốc hội hai nước phê chuẩn trong năm 2000. Hiệp ước này mô tả hướng đi của đường biên giới bằng lời văn và thể hiện bằng đường màu đỏ trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.000. Dựa vào Hiệp ước này, từ tháng 12/2001, hai bên tiến hành phân giới, cắm mốc.

Đến cuối năm 2008, công tác phân giới cắm mốc cơ bản hoàn thành. Kết quả là chiều dài biên giới chính xác là 1.449,566km, trong đó có 383,914km đường biên giới đi theo sông suối, cắm được 1.970 cột mốc, trong đó có 1.548 cột mốc chính, 422 cột mốc phụ¹.

1. Giảng Hướng: Việt Nam - Trung Quốc: 20 năm hoạch định biên giới trên đất liền, vov.vn đăng ngày 23/8/2020.

- Với Lào:

Tháng 02/1976, trong cuộc hội đàm hàng năm giữa hai Bộ Chính trị Trung ương hai Đảng tại Hà Nội, về vấn đề biên giới Việt Nam - Lào, Bộ Chính trị Việt Nam đã đề nghị nguyên tắc giải quyết là: *"Lấy đường biên giới trên bản đồ của Pháp (in) năm 1945 khi hai nước chúng ta tuyên bố độc lập làm căn cứ chính, nơi nào không có bản đồ của Pháp in năm 1945 thì dùng bản đồ Pháp in trước, sau đó một thời gian"*.

Hai Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam - Lào đã tiến hành đàm phán 4 đợt, tổng cộng 90 ngày trong khoảng thời gian hơn 9 tháng (từ tháng 3 đến tháng 12/1976) để giải quyết vấn đề biên giới Việt Nam - Lào và cuối cùng đã thỏa thuận xong toàn bộ 2.067km đường biên giới giữa hai nước, cụ thể: giữ nguyên đường biên giới trên bản đồ của Pháp là 1.734km, thay đổi khác với đường biên giới trên bản đồ của Pháp là 333km.

Ngày 15/01/1977, hai Đoàn đại biểu Việt Nam và Lào tiếp tục gặp nhau tại Viêng Chăn để cùng soạn thảo Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa hai nước.

Ngày 18/7/1977, Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đã được ký kết tại Viêng Chăn, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Ngày 15/9/1977, Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia Việt Nam - Lào đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước